

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 4 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Bà Ngô Diễm Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hằng N, sinh năm 1993 (có mặt)

HKTT: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp BB, xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thiện N, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Hằng N thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hằng N và anh Huỳnh Thiện N kết hôn vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh N có hành vi đánh đập chị, anh N không quan tâm, lo lắng gia đình. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân trên 01 tháng.

Nay chị N xét thấy không thể tiếp tục chung sống được với anh N nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- *Về nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, chị N và anh N có 01 con chung tên Huỳnh Phát T, sinh ngày 09/01/2014, hiện anh N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật từ ngày xét xử đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị N xác định hiện nay chị có mở quán bán cà phê và chăn nuôi heo, thu nhập mỗi tháng được 6.000.000đ nên chị đảm bảo điều kiện nuôi con.

- *Về chia tài sản:* Chị N và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của bị đơn anh Huỳnh Thiện N thể hiện:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng.

Còn nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày như trên thì có phần không đúng. Theo anh N thì anh có quan tâm lo lắng cho vợ con, nhưng anh thừa nhận có đi chơi về khuya và có đánh chị N. Việc anh đánh chị N là do chị N nói chuyện không lễ phép với cha mẹ của anh. Tuy nhiên, theo anh N xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị N xin ly hôn là do vợ chồng chung sống không hợp nhau. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- *Về nuôi con chung:* Anh với chị N có 01 người con và hiện anh đang nuôi dưỡng cháu T như chị N trình bày là đúng. Anh không đồng ý yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N cho rằng anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T hơn chị N, bởi vì: Anh đang sống chung với cha mẹ, hàng ngày anh bán tiệm tạp hóa tại chợ, cha mẹ anh có 02 miếng vuông, nhà cha mẹ của anh ở gần trường mẫu giáo nên thuận tiện cho việc học của cháu T.

- *Về chia tài sản:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại vợ chồng*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn bảo lưu quan điểm, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Lê Hằng N, bị đơn anh Huỳnh Thiện N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị N về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2012, chị N và anh N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VPT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Như vậy, theo Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Theo chị N xác định, do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh N có hành vi đánh đập chị, anh N không quan tâm, lo lắng gia đình. Còn anh N xác định, anh có quan tâm lo lắng cho vợ con, nhưng anh thừa nhận có đi chơi về khuya và có đánh chị N. Việc anh đánh chị N là do chị N nói chuyện không lễ phép với cha mẹ của anh. Tuy nhiên, theo anh nhân xác định nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị N xin ly hôn là do vợ chồng chung sống không hợp nhau. Nay chị N xin được ly hôn thì anh đồng ý. *Xét thấy*: Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh N là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Xét yêu cầu về nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu T đã hơn 51 tháng tuổi, hiện cháu T đang sống chung với anh N. Khi ly hôn, chị N và anh N đều có yêu cầu được nuôi cháu T.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị N và anh N đều khẳng định là cả hai người đều có các khoản thu nhập ổn định để đảm bảo điều kiện nuôi cháu T. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của chị N và anh N thì cả hai cũng không có tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh.

Xét thấy: Theo xác nhận của Ban Giám hiệu trường mầm non xã TT, huyện ĐD thì “Cháu Huỳnh Phát T, sinh ngày 09/01/2014 hiện đang học lớp mầm trường mầm non xã TT; Sức khỏe của cháu T cũng đang bình thường”. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định rằng hiện cháu T đang được anh N trực tiếp nuôi dưỡng ổn định về điều kiện sinh hoạt và điều kiện học, đồng thời cũng đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu T nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu

cầu của chị N về việc nuôi con chung, mà cần chấp nhận yêu cầu của anh N về việc nuôi con chung là phù hợp.

[5] *Xét về cấp dưỡng*: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Đối chiếu với điều luật trên thấy rằng, chị N là người không trực tiếp nuôi con chung, nên chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh N không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T.

Xét thấy: Đây là quyền định đoạt của anh N nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa anh N và chị N có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về chia tài sản và nợ*: Chị N và anh N xác định, về chia tài sản thì vợ chồng tự thỏa thuận, còn về nợ người khác và người khác nợ lại thì không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị N và anh N có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Anh N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
- Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Hằng N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Hằng N được ly hôn với anh Huỳnh Thiện N.

2. *Về nuôi con chung:*

- Giao cháu Huỳnh Phát T, sinh ngày 09/01/2014 cho anh Huỳnh Thiện N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị Lê Hằng N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Phát T.

- Chị Lê Hằng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

- Anh Huỳnh Thiện N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị Lê Hằng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, ngày 05/3/2018 chị N có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009605 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

